TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2022/DS-PT
Ngày: 11/8/2022
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy
Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Ông Nguyễn Mạnh Thắng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2022/TLPT-DS ngày 06/6/2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NVQ1, sinh năm 1955; *(có mặt)*

Trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1. Ông NĐC2, sinh năm 1968; *(có mặt)*

2. Bà VTT3, sinh năm 1971; *(vắng mặt)*

Trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cường: Luật sư Nguyễn Thanh Tùng – Văn phòng luật sư Phạm Hồng Hải và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. *(có mặt)*

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà PTN4, sinh năm 1969; HKTT: Tổ 5, khu 9A, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; *(vắng mặt)*

2. Bà NTP5, sinh năm 1972; HKTT: Tổ 5, khu 6, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; *(vắng mặt)*

3. Bà NTH6, sinh năm 1974; HKTT: Tổ 5, khu 4C, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; *(vắng mặt)*

4. Bà NTH7, sinh năm 1976; HKTT: Tổ 2, khu Bạch Đằng, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; *(vắng mặt)*

5. Bà NTM8, sinh năm 1986; HKTT: Tổ 2, khu 2A, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; *(vắng mặt)*

Bà N4, bà P5, bà H6, bà H7 và bà M8 ủy quyền cho ông NĐC9 (theo Giấy ủy quyền số 3114.2021, Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2021 tại Văn phòng công chứng Lạc Việt).

6. Ông NĐK10, sinh năm 1950; *(vắng mặt)*

7. Bà NTN11, sinh năm 1954; *(vắng mặt)*

Cùng trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

8. Bà NTK12, sinh năm 1956; HKTT: Thôn Thuận Quang, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; *(vắng mặt)*

Ông K10, bà N11, bà K12 ủy quyền cho ông NĐC9 (theo Giấy ủy quyền số 3377.2021, Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2021 tại Văn phòng công chứng Lạc Việt).

9. Bà NTT13, sinh năm 1963; *(vắng mặt)*

10. Anh NĐP14, sinh năm 1987; *(có mặt)*

11. Anh NĐP15, sinh năm 1991; *(vắng mặt)*

Cùng trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bà T13 và anh P15 ủy quyền cho anh NĐP14 (theo Giấy ủy quyền số 3911.2021.GUQ, quyển số 19/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2021 tại Văn phòng công chứng An Khánh).

12. Bà LTX16, sinh năm 1962; *(vắng mặt)*

13. Anh NĐQ17, sinh năm 1991; *(có mặt)*

14. Anh NĐL18, sinh năm 1995; *(vắng mặt)*

Cùng trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bà X16 và anh L18 ủy quyền cho anh NĐQ19 (theo Giấy ủy quyền số 3912.2021.GUQ, quyển số 19/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2021 tại Văn phòng công chứng An Khánh).

15. Bà NTC20, sinh năm 1951; *(có mặt)*

16. Ông NVH21, sinh năm 1957; *(vắng mặt)*

17. Bà NTV22, sinh năm 1960; *(vắng mặt)*

18. Bà NTV23, sinh năm 1962; *(vắng mặt)*

19. Ông NVA24, sinh năm 1965; *(vắng mặt)*

20. Ông NVC25, sinh năm 1967; *(vắng mặt)*

21. Ông NVH26, sinh năm 1970; *(vắng mặt)*

Cùng trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bà V22, bà V23, ông A24, ông C25, ông H26 ủy quyền cho ông NVQ27 (theo Giấy ủy quyền số chứng thực 197/2019 quyển số 01/SCT/CK,CĐ ngày 08/8/2019 tại UBND xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội).

22. Ông NĐV27, sinh năm 1974; *(vắng mặt)*

Trú tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ông NĐV27: Ông NĐC9.

23. Cụ VTM28 (tức NTM28.1), sinh năm 1934; *(vắng mặt)*

Trú tại: Thôn Thuận Quang, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Cụ M28 ủy quyền cho ông NĐC29, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Thuận Quang, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích của cụ M28 là: Luật sư Đinh Thị Kim Thoa – Công ty luật TNHH MTV Bảo Thiên; *(có mặt)*

Người làm chứng: Bà NTH30, sinh năm 1962; *trú tại: Thôn Thuận Quang, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; (có mặt)*

Do có kháng cáo của ông NĐC9 là bị đơn và cụ VTM28 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của Nguyên đơn trình bày tại Toà án như sau: Mẹ đẻ tôi là bà Đinh Thị Hồng, sinh năm 1927 (đã mất ngày 27/4/2014), trú tại Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Mẹ tôi là con gái lớn của cụ Đinh Nguyên Thăng, sinh năm 1905, mất ngày 01/02/1968 và cụ bà là Vũ Thị Dung, mất ngày 05/3/1977. Ngoài bà Hồng là chị lớn, các cụ còn có hai người con đẻ là bà Đinh Thị Bạch (đã mất ngày 17/5/2008) và bà Đinh Thị Nhạn (đã mất ngày 03/7/2004).

Ông bà ngoại tôi có thửa đất số 39 tờ bản đồ số 16 với diện tích 1.183,6m^2 tại thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản do tổ tiên để lại cho cụ Đinh Nguyên Thăng. Khi hai cụ mất đi không để lại di chúc, đất này chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông bà ngoại tôi qua đời, vợ chồng ông Nguyễn Đức Uẩn và bà Đinh Thị Bạch đến ở mảnh đất trên. Hiện tại mảnh đất này anh Cường đang trông nom, quản lý.

Mẹ tôi bà Hồng đã nhiều lần xin lấy lại một phần tài sản nhưng anh Cường không đồng ý. Tôi đại diện trong gia đình đã nhiều lần có đơn phản đối gửi tới Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ không cho ông Cường làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để giải quyết yêu cầu đòi lại ⅓ thửa đất thuộc quyền sở hữu thừa kế từ mẹ tôi là bà Đinh Thị Hồng, tôi đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải. Tuy nhiên, ông NĐC9 vẫn không chấp thuận và đưa ra lý lẽ không có cơ sở.

Do vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xem xét, giải quyết buộc ông NĐC9 và bà Vũ Thị Tình trả lại ⅓ (một phần ba) diện tích đất ở 1.183,6m^2 tại thửa đất số 39 tờ bản đồ số 16 tại thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện

Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Diện tích cụ thể là 394,5m^2, là tài sản của mẹ tôi mà tôi được hưởng đúng theo các quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn Cường trình bày tại Tòa án như sau: Thống nhất với Nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang có tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế:

Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 diện tích 1191 m^2 tại địa chỉ thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có nguồn gốc từ trước năm 1975. Tại bản đồ đo vẽ năm 1975 thửa đất trên trước đây thuộc thửa số 261, diện tích 1112 m^2. Phía Nguyên đơn chưa có tài liệu nào thể hiện cơ quan Nhà nước xác nhận thửa đất tại thời điểm đó mang tên cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung, mà chỉ là lời kể lại từ một số người trong thôn. Như vậy, phía nguyên đơn chưa chứng minh được yêu cầu khởi kiện. Qua các thời kỳ và các tài liệu mà tôi (Bị đơn) thu thập được đều ghi nhận: ông Nguyễn Đức Uẩn và Đinh Thị Bạch (cha mẹ đẻ tôi) là chủ sử dụng toàn bộ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 diện tích 1191 m^2 tại thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội trước khi cho tặng Vợ chồng tôi. Cụ thể:

Theo nội dung có trong hồ sơ, cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung không có con trai để nối dõi tông đường thờ cúng tổ tiên nên đã thống nhất kê khai để vợ chồng bà Đinh Thị Bạch (con đẻ: sinh năm 1932, chết năm 2008) và ông Nguyễn Đức Uẩn (con rể, sinh năm 1930, chết năm 1995) - là cha mẹ đẻ của tôi được đứng tên, toàn quyền sử dụng thửa đất để sinh sống và làm nơi thờ cúng các cụ sau này. Hơn nữa, bố mẹ tôi (bà Bạch, ông Uẩn) đã sinh sống cùng với hai cụ, chăm sóc, phụng dưỡng theo tâm nguyện của hai cụ trên thửa đất lúc còn sống. Cụ Thăng và cụ Dung đã kê khai tại chính quyền địa phương để bố, mẹ tôi là ông Nguyễn Đức Uẩn và bà Đinh Thị Bạch được đứng tên thửa đất. Việc này được thực hiện công khai trong gia đình *(có xác nhận của 03 người con và các cháu)* và đã được chính quyền xã ghi nhận vào sổ mục kê. Các cụ cao niên trong làng đều biết và xác nhận việc này *(có văn bản kèm theo hồ sơ)*. Điều này phù hợp và trùng khớp với nội dung trong các Văn bản trình bày và xác nhận sự thật lập ngày 13/11/2020 của các bà Phạm Thị Nhàn (sinh năm 1969), Nguyễn Thị Phương (sinh năm 1972), Nguyễn Thị Hương (sinh năm 1974) Nguyễn Thị Hoa (sinh năm 1976) và Nguyễn Thị Mai (sinh năm 1986) - là con đẻ của bà Đinh Thị Nhạn được văn phòng công chứng Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh chứng thực chữ ký vào ngày 13/11/2020 và ý kiến xác nhận của bà NTM28.1, là con nuôi của cụ Thăng và cụ Dung, bà NTM28.1 sống từ nhỏ với hai cụ là người còn sống đến thời điểm này cũng xác nhận sự việc nêu trên. Sau khi xác lập quyền sở hữu cho cha mẹ tôi, cha mẹ tôi đã xây dựng ngôi nhà 05 gian, nhà bếp, sống cùng ông, bà đến khi cuối đời. Quá trình xây dựng và sinh sống các con đều biết và không ai phản đối gì. Đến nay, gia đình tôi vẫn đang sinh sống trong ngôi nhà do bố, mẹ tôi xây dựng.

Bản đồ đo vẽ (do chính quyền xã Kiêu kỵ cung cấp) năm 1986 có sổ lập kèm theo thửa đất được kê khai tại thửa số 241, tờ bản đồ số 04, diện tích

1.114m^2 và bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 có sổ lập kèm theo thửa đất được kê khai tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.240m^2 đều ghi tên chủ sử dụng ông Nguyễn Đức Uẩn là bố đẻ tôi.

Như vậy, từ lời khai của những người con cụ Thăng và cụ Dung, lời xác nhận của những cụ cao tuổi trong thôn và xác nhận của chính quyền địa phương từ sổ mục kê đã có cơ sở để khẳng định rằng: Bố mẹ tôi là ông Nguyễn Đức Uẩn và bà Đinh Thị Bạch là người sử dụng hợp pháp thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 diện tích 1.191m^2 tại địa chỉ thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Trong vụ án này, ông NVQ27 đang có yêu cầu phân chia di sản thừa kế nhưng không chứng minh được được yêu cầu khởi kiện, không chứng minh được tài sản là di sản của cụ Thăng và cụ Dung. Vì vậy, việc đòi chia di sản là hoàn toàn không có cơ sở.

Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 hiện tôi đang sử dụng để ở và để thờ cúng cụ Thăng, cụ Dung và thờ cúng tổ tiên cũng đã được chuyển giao quyền sử dụng bằng văn bản của các thành viên trong gia đình tôi khi bố mẹ tôi *(ông Nguyễn Đức Uẩn và bà Đinh Thị Bạch)* còn sống và có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 01/02/1994, gia đình tôi gồm ông Nguyễn Đức Uẩn (bố đẻ), bà Định Thị Bạch (mẹ đẻ) và các thành viên trong gia đình: Ông Nguyễn Đức Kiên (sinh năm 1950); bà Nguyễn Thị Ngó (sinh năm 1954); bà Nguyễn Thị Ký (sinh năm 1956); ông Nguyễn Đức Oai, ông Nguyễn Đức Uy đã thống nhất và lập giấy uỷ nhiệm sử dụng nhà đất ở cho vợ chồng tôi được sử dụng đất, ao, ngôi nhà, bếp kể từ ngày 01/02/1994. Giấy uỷ nhiệm này đã được trưởng thôn Kiêu Kỵ xác nhận vào ngày 10/04/1995.

Ngày 13/4/1995, bố mẹ tôi đã lập Đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ để cho vợ chồng tôi là NĐC9 và Vũ Thị Tình được quyền sử dụng đất ở và thực hiện mọi nghĩa vụ với Nhà nước. Văn bản này được trưởng thôn Kiêu Kỵ xác nhận cùng ngày. Ngày 18/6/2002, tôi đã có đơn xin sang tên quyền sử dụng đất, ao và nhà ở gửi Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ để xác nhận và sang tên toàn bộ thửa đất của bố mẹ tôi để lại cho vợ chồng tôi theo Giấy uỷ nhiệm nhà đất lập ngày 10/04/1994 theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngày 20/6/2002, Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận nội dung đơn nêu trên.

Kể từ năm 2002 đến nay, tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước liên quan đến việc sử dụng thửa đất số 261, diện tích 1.112m^2 và nay là thửa đất số 39, tờ bản đố số 16, diện tích 1.191m^2 địa chỉ tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và trong các hồ sơ địa chính đều ghi nhận chủ sử dụng đất: Ông NĐC9 (có biên lai kèm theo). Quá trình sử dụng, gia đình tôi đã đầu tư, xây dựng công trình, nhà cửa kiên cố trên đất, sử dụng ổn định trong thời gian dài, không phát sinh tranh chấp từ khi Bố mẹ tôi mất (cho đến thời điểm gia đình tôi nộp hồ sơ đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất gia đình tôi đang sử dụng.

Ông NVQ27 có đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế của hai cụ Thăng và cụ Dung để lại với lý do: *"Sau khi ông bà ngoại tôi qua đời, vợ chồng ông Nguyễn Đức Uẩn và bà Đinh Thị Bạch đến ở mảnh đất trên. Hiện tại, anh Cường đang trông nom quản lý"*. Tuy nhiên, ông NVQ27 không đưa ra được các tài liệu nào chứng minh tài sản mà gia đình tôi đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế mà ông bà ngoại tôi để lại. Bên cạnh đó, lời trình bày này mâu thuẫn với các nội dung xác nhận của các cụ cao niên trong làng và văn bản trình bày và xác nhận sự thật lập ngày 13/11/2020 của các con của bà Đinh Thị Nhạn và các con bà Đinh Thị Bạch. Do đó, tôi xin khẳng định, quyền sử dụng đất và các công trình tài sản gắn liền với đất mà gia đình tôi đang sử dụng là tài sản mà cha mẹ tôi *(ông Nguyễn Đức Uẩn và bà Đinh Thị Bạch)* cho tặng tôi trước khi chết, hoàn toàn không phải là di sản thừa kế của hai cụ Thăng và cụ Dung để lại.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và xác nhận quyền sử dụng hợp pháp thửa đất trên cho gia đình tôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh NĐP14 và NĐQ19 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và quan điểm của ông Cường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Cậy, ông Nguyễn Văn Hùng thống nhất trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày và quan điểm của ông NVQ27.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - cụ VTM28 (tức NTM28.1) trình bày: Khoảng năm 1942, lúc đó tôi 7-8 tuổi bị thất lạc gia đình, lang thang ngoài xã hội. Tôi may mắn được cụ Đinh Nguyên Thăng, vợ là Vũ Thị Dung địa chỉ tại thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đưa về gia đình chăm sóc. Hai cụ đã hỏi tôi về tên tuổi, quê quán và gia đình để cụ đưa tôi về gia đình. Tôi chỉ nói được một câu: "Tên con là NTM28.1" và không biết gì nữa. Từ đó tôi trở thành con nuôi của gia đình cụ Thăng và vợ là cụ Dung. Năm tôi 20 tuổi, cụ Thăng và cụ Dung đã xây dựng gia đình riêng cho tôi (gả chồng). Tôi đã nói với hai cụ: "Tên con là NTM28.1" nên hai cụ vẫn giữ nguyên lời khai của tôi ban đầu, khi kê khai các giấy tờ tùy thân về sau, tôi vẫn mang tên là: "NTM28.1 - CMND, HK". Cụ Thăng, cụ Dung là cha mẹ nuôi của tôi từ năm 1942 đến nay đã 78 năm. Sự việc này được con cháu và đại gia đình của hai cụ chấp nhận. Toàn thể dân làng Kiêu Kỵ biết rõ.

Vợ chồng cụ Thăng cụ Dung không có con trai để nối dõi tông đường. Hai cụ đã lấy con gái thứ hai của hai cụ là bà Đinh Thị Bạch chồng là Nguyễn Đức Uẩn thay con trai mục đích là phụng dưỡng hai cụ lúc tuổi già, thờ phụng tổ tiên. Tôi là con nuôi được hai cụ gọi về thảo luận trong gia đình về việc lập vợ chồng bà Bạch, ông Uẩn thay con trai. Lúc này tôi đã có gia đình riêng đã 29 tuổi nên nhớ rất rõ. Cuộc họp gia đình diễn ra được sự nhất trí và đồng thuận. Hai cụ cũng tuyên bố là: "Khối tài sản của hai cụ gồm: Nhà cửa, đất đai, ao vườn. Thửa đất số 39 tờ bản đồ 16 diện tích 1.191m^2, địa chỉ tại thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội - vợ chồng bà Bạch ông Uẩn được hai cụ Thăng và cụ Dung cho quyền sở hữu, quyền quản lý sử dụng, quyền định đoạt tài bộ khối tài sản nêu

trên". Vợ chồng bà Bạch ông Uẩn được chuyển toàn bộ gia đình con cái đến ở cùng hai cụ từ năm 1963 đến nay đã 57 năm qua. Tôi là người chứng kiến sự việc này. Tôi trình bày ý kiến của tôi, cụ thể như sau: Khối tài sản của cụ Thăng cụ Dung đã cho vợ chồng bà Đinh Thị Bạch, Nguyễn Đức Uẩn gồm:

+ Thửa đất 1.191m^2 + nhà cửa ao vườn đã là tài sản sở hữu riêng tù năm 1963. Có sự chứng kiến của tôi. Lúc này tôi đã 29 tuổi, đã có gia đình riêng nên nhớ rất rõ. Sự việc được sự nhất trí, đồng thuận trong gia đình.

+ Cụ Thăng cụ Dung cũng chia sẻ sự việc này cho dân làng Kiêu Kỵ được biết.

+ Hồ sơ địa chính lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ, Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đều ghi tên ông Nguyễn Đức Uẩn là chủ sở hữu, chủ sử dụng: Thửa đất số 39, tờ bản đồ 16 diện tích 1.191m^2 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 sổ dã ngoại kê khai năm 1993-1994 kèm theo ghi tên Nguyễn Đức Uẩn. Ông Uẩn đã chết, anh NĐC9 là con trai được thừa kế là đúng pháp luật và sự thật (có căn cứ kèm theo).

+ Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ từ năm 1963 đến nay đều không ghi tên cụ Thăng vợ là cụ Dung là chủ sở hữu thửa đất 1.191m^2 mà ghi tên ông Nguyễn Đức Uẩn. Điều này chứng minh rằng: Cụ Thăng cụ Dung đã cho vợ chồng bà Bạch ông Uẩn thửa đất 1.191m^2 nêu trên là sự thật + với sự chứng kiến của tôi.

Với những căn cứ tôi nêu trên thì yếu tố: Thửa đất 1.191m^2 nêu ở trên là di sản thừa kế của cụ Thăng cụ Dung để lại đem chia thừa kế là không có cơ sở, không có căn cứ. Đơn trình bày ý kiến của tôi nhấn mạnh là: Tôi bày tỏ ý kiến và xác nhận: Thửa đất 1.191m^2 nêu ở trên là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng NĐC9 nhận thừa kế từ bố đẻ là ông Nguyễn Đức Uẩn đã chết. Không ai có quyền chia thừa kế thửa đất 1.191m^2 nêu ở trên vì không có căn cứ cơ sở. Nếu có ý kiến đòi chia thừa kế thửa đất 1.191m^2 nêu trên thì tôi cực lực phản đối vì sai sự thật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVQ27 đối với ông NĐC9 và bà Vũ Thị Tình.

2. Cụ Đinh Nguyên Thăng chết năm 1968, thời điểm mở thừa kế di sản là năm 1968; cụ Vũ Thị Dung chết năm 1977, thời điểm mở thừa kế di sản là năm 1977. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung là cụ Đinh Thị Hồng, cụ Đinh Thị Bạch, cụ Đinh Thị Nhạn và cụ VTM28 (tức NTM28.1).

2.1. Cụ Đinh Thị Hồng chết năm 2014. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Hồng gồm: Bà Nguyễn Thị Cậy, ông NVQ27, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Vĩnh, bà Nguyễn Thị Vịnh, ông Nguyễn Văn Ánh, ông Nguyễn Văn Cương và ông Nguyễn Văn Hiếu.

2.2. Cụ Đinh Thị Bạch chết năm 2008. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Bạch gồm: Ông Nguyễn Đức Kiêm, bà Nguyễn Thị Ngó, bà Nguyễn Thị Ký, ông Nguyễn Đức Oai đã chết (có vợ là bà Nguyễn Thị Tín và con là anh NĐP14,

anh Nguyễn Đức Phóng), ông Nguyễn Đức Uy đã chết (có vợ là bà Lê Thị Xuân và con là anh NĐQ19, anh NĐL18), ông NĐC9 và ông NĐV27.

2.3. Cụ Đinh Thị Nhạn chết năm 2004. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nhạn gồm: Bà PTN4, bà NTP5, bà NTH6, bà NTH7 và bà NTM8.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung để lại là 1.195,7m^2 đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội trị giá 23.017.225.000 đồng.

4. Chia thừa kế di sản cụ thể như sau:

4.1. Chia cho các con của cụ Đinh Thị Hồng gồm: Bà Nguyễn Thị Cậy; ông NVQ27; ông Nguyễn Văn Hùng; bà Nguyễn Thị Vĩnh; bà Nguyễn Thị Vịnh; ông Nguyễn Văn Ánh; ông Nguyễn Văn Cương và ông Nguyễn Văn Hiếu (do ông NVQ27 đại diện nhận thay và đứng tên quản lý sử dụng) được quyền quản lý, sử dụng 199,3m^2 đất có vị trí, kích thước, mốc giới được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 23, 1;

4.2. Chia cho các con cháu của cụ Đinh Thị Bạch gồm: Ông Nguyễn Đức Kiêm; bà Nguyễn Thị Ngó; bà Nguyễn Thị Ký; bà Nguyễn Thị Tín cùng hai con là anh NĐP14, anh Nguyễn Đức Phóng; bà Lê Thị Xuân cùng hai con là anh NĐQ19, anh NĐL18; ông NĐC9 và ông NĐV27 và các con của cụ Đinh Thị Nhạn gồm: Bà PTN4; bà NTP5; bà NTH6; bà NTH7 và bà NTM8 (do ông NĐC9 đại diện nhận thay và đứng tên quản lý sử dụng bao gồm: Kỷ phần thừa kế của cụ Bạch và cụ Nhạn; phần ông Cường được nhận kỷ phần thừa kế của cụ M28; phần công sức bảo quản di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức Uẩn, cụ Đinh Thị Bạch; phần công sức bảo quản di sản thừa kế của vợ chồng ông NĐC9, bà Vũ Thị Tình) được quyền quản lý, sử dụng tổng cộng là 996,4m^2 đất còn lại có vị trí, kích thước, mốc giới được giới hạn bởi các điểm: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 3. Các công trình kiến trúc và cây cối trên phần đất trên thuộc quyền sở hữu của ông NĐC9 và bà Vũ Thị Tình. *(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)*

4.3. Ông NĐC9 có trách nhiệm thanh toán cho cụ VTM28 (tức NTM28.1) số tiền 3.386.204.167 đồng.

5. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, cấp Giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án. Diện tích đất ở, đất vườn ao sẽ được xác định khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào hạn mức sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông NĐC9 là bị đơn và cụ VTM28 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ông NĐC9 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án trên do Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng bản chất vụ án xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Cụ VTM28 kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên yêu cầu của mình, không xuất trình các tài liệu chứng cứ mới, không thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cường: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và bác kháng cáo của cụ M28, bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vì tài sản tranh chấp không còn là di sản thừa kế của cụ Thăng và cụ Dung nên không thể chia thừa kế được.

Về "Đơn trình bầy ý kiến" ngày 30/11/2020 là ý chí của cụ M28, do chính cụ M28 điểm chỉ dấu vân tay, chính ông Cử là con trai của cụ M28 cùng ông Cường đi xác nhận; sau khi công chứng thì ông Cường cũng đưa bản sao công chứng cho bà Hoàn là con dâu cụ M28 và ông Cử một bản nhưng cả hai người cũng như cụ M28 không có ý kiến gì phản đối. Do đó, Đơn trình bầy ý kiến là ý chí của cụ M28, sau này khi giải quyết tại Tòa án ông Cử được cụ M28 ủy quyền thì ông Cử mới thay đổi ý kiến của cụ M28.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ M28: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn; sửa án sơ thẩm; chia thừa kế bằng hiện vật cho cụ M28. Xác định di sản thừa kế của cụ Thăng, cụ Dung do bị đơn đang quản lý. Cụ M28 là con nuôi của cụ Dung và cụ Thăng nên cụ M28 cũng được hưởng thừa kế của hai cụ. Về "Đơn trình bầy ý kiến" ngày 30/11/2020 không phải là ý chí của cụ M28.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội xác định kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Các đương sự nộp đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận, về thủ tục kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa, bà NTH30 là con dâu của cụ M28 xin được tham gia với tư cách là người làm chứng do biết được sự việc ông Cường và cụ M28 làm "Đơn trình bầy ý kiến" ngày 30/11/2020 của cụ M28. Hội đồng xét xử chấp nhận đề

nghị của bà Hoàn. Bà Hoàn cam kết các lời trình bày của bà tại phiên tòa là đúng sự thật, nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của Ông NĐC9 và cụ VTM28, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ huyết thống: Cụ Đinh Nguyên Thăng, chết năm 1968 kết hôn với cụ Vũ Thị Dung, chết năm 1977 sinh được 03 người con là: Cụ Đinh Thị Hồng, sinh năm 1927 - chết năm 2014; cụ Đinh Thị Bạch, sinh năm 1931 - chết năm 2008; cụ Đinh Thị Nhạn, sinh năm 1940 - chết năm 2004.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, ngoài 03 người con gái là cụ Đinh Thị Hồng, cụ Đinh Thị Bạch, cụ Đinh Thị Nhạn, cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung có nhận cụ VTM28 (tức NTM28.1) làm con nuôi từ khi lên 7-8 tuổi. Quá trình sinh sống, cụ M28 được chăm sóc nuôi dưỡng như con đẻ và phụng dưỡng cụ Thăng, cụ Dung như bố mẹ ruột. Khi các cụ Thăng, cụ Dung chết thì cụ M28 chịu tang theo phong tục tại địa phương, xưng hô trong gia đình là cha, mẹ - con. Do vậy, căn cứ điểm 1.A mục III, thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: "…*Trong thực tế có những trường hợp nhân dân chưa hiểu pháp luật cho nên chưa xin chính quyền công nhận và đăng ký vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi. Trong trường hợp này, nếu việc nhận con nuôi là ngay thẳng, cha mẹ đẻ của đứa trẻ hoàn toàn tự nguyện, việc nuôi dưỡng đứa trẻ được đảm bảo, thì coi là con nuôi thực tế. Con nuôi và bố mẹ nuôi có quyền thừa kế lẫn nhau*…". Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định cụ M28 là con nuôi thực tế của cụ Thăng và cụ Dung là có căn cứ.

Cụ Đinh Thị Hồng kết hôn với cụ Nguyễn Văn Khắc đã chết, sinh được 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Cậy, sinh năm 1951; ông NVQ27, sinh năm 1953; ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Vĩnh, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Vịnh, sinh năm 1962; ông Nguyễn Văn Ánh, sinh năm 1965; ông Nguyễn Văn Cương, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Văn Hiếu, sinh năm 1970.

Cụ Đinh Thị Bạch kết hôn với cụ Nguyễn Đức Uẩn đã chết, sinh được 07 người con gồm: Ông Nguyễn Đức Kiêm, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị Ngó, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị Ký, sinh năm 1956; ông Nguyễn Đức Oai, sinh năm 1959 đã chết năm 2018 có vợ là bà Nguyễn Thị Tín, con là anh NĐP14 và anh Nguyễn Đức Phóng; ông Nguyễn Đức Uy, sinh năm 1962 đã chết năm 2011 có vợ là bà Lê Thị Xuân, con là anh NĐQ19 và anh NĐL18; ông NĐC9, sinh năm 1968 và ông NĐV27, sinh năm 1974.

Cụ Đinh Thị Nhạn kết hôn với cụ Nguyễn Văn Thành đã chết, sinh được 04 người con gồm: Bà NTP5, sinh năm 1972; bà NTH6, sinh năm 1974; bà NTH7, sinh năm 1976 và bà NTM8, sinh năm 1986. Bà PTN4, sinh năm 1969 là con riêng của cụ Nhạn.

[2.2]. Về hàng thừa kế:

Cụ Đinh Nguyên Thăng chết năm 1968, cụ Vũ Thị Dung chết năm 1977. Thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Thăng là năm 1968; thời điểm mở thừa kế di

sản của cụ Dung là năm 1977. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của hai cụ là cụ Đinh Thị Hồng, cụ Đinh Thị Bạch, cụ Đinh Thị Nhạn và cụ VTM28 (tức NTM28.1).

Cụ Đinh Thị Hồng chết năm 2014. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Hồng gồm: Bà Nguyễn Thị Cậy, ông NVQ27, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Vĩnh, bà Nguyễn Thị Vịnh, ông Nguyễn Văn Ánh, ông Nguyễn Văn Cương và ông Nguyễn Văn Hiếu.

Cụ Đinh Thị Bạch chết năm 2008. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Bạch gồm: Ông Nguyễn Đức Kiêm, bà Nguyễn Thị Ngó, bà Nguyễn Thị Ký, ông Nguyễn Đức Oai đã chết (có vợ là bà Nguyễn Thị Tín, con là anh NĐP14 và anh Nguyễn Đức Phóng), ông Nguyễn Đức Uy đã chết (có vợ là bà Lê Thị Xuân, con là anh NĐQ19 và anh NĐL18), ông NĐC9 và ông NĐV27.

Cụ Đinh Thị Nhạn chết năm 2004. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nhạn gồm: Bà PTN4, bà NTP5, bà NTH6, bà NTH7 và bà NTM8.

[2.3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Cụ Thăng chết năm 1968, thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Thăng để lại là năm 1968; cụ Dung chết năm 1977, thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Dung để lại là năm 1977. Theo quy định của pháp luật, đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Như vậy, ngày 17/6/2020, ông NVQ27 nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Thăng và cụ Dung để lại là thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4]. Về di sản thừa kế:

[2.4.1]. Theo lời khai của ông Cường thể hiện: Lúc sinh thời, do không có con trai để nối dõi tông đường thờ cúng tổ tiên nên cụ Thăng và cụ Dung đã thống nhất giao toàn bộ tài sản, đất đai (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 với diện tích 1.183,6m^2 tại địa chỉ: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội) cho vợ chồng bà Đinh Thị Bạch (con gái) và ông Nguyễn Đức Uẩn (con rể) quản lý và thực hiện nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên. Khi chết, cụ Thăng và cụ Dung không để lại di chúc. Hiện nay, thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông NĐC9 hiện đang ở tại thửa đất trên. Từ năm 2011, khi bà Đinh Thị Hồng còn sống đã nhiều lần xin lấy lại một phần di sản thừa kế của bố mẹ để lại nhưng ông Cường không đồng ý.

Ngày 02/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý vụ án dân sự về việc "Tranh chấp chia thừa kế" theo đơn khởi kiện của ông NVQ27 lần thứ nhất. Ngày 14/4/2020, ông Quý và ông Cường có lập "Giấy hòa giải nội bộ" với nội dung "Vợ chồng ông Cường, bà Tình tự nguyện đồng ý chia trả cho ông Quý 220m^2 đất ở, ao vườn trên thửa đất số 39, tờ bản đồ 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội trong diện tích tổng 1.183,6m^2 về phía giáp ranh nhà ông Đinh Nguyên Trọng và ông Vũ Danh Thơm và ngõ đi chung của xóm. Ông Quý đã hoàn toàn nhất trí với việc vợ chồng ông Cường chia trả là 220m^2 đất ở, ao vườn ở vị trí như trên". Ngày 14/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trên do ông Quý rút đơn khởi kiện để hai bên về hòa giải với nhau nhưng sau đó hai bên không thực hiện được thỏa thuận trên.

Ngày 17/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm tiếp tục nhận được đơn khởi kiện của ông NVQ27 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Dung và cụ Thăng cho mẹ của ông Quý là bà Đinh Thị Hồng đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích 1.183,6m^2; buộc ông NĐC9 và bà Vũ Thị Tình trả lại 1/3 diện tích đất ở 1.183,6m^2 tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Diện tích cụ thể là 394,5m^2. Tại phiên tòa hôm nay, ông Quý đề nghị xác định thửa đất có diện tích theo hiện trạng do Tòa án đo vẽ là 1.195,7m^2 và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất thành ba phần bằng nhau cho cụ Hồng, cụ Bạch, cụ Nhạn.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vì cho rằng không có căn cứ để xác định nguồn gốc thửa đất số 39, tờ bản đồ 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích 1.183,6m^2 là di sản thừa kế của cụ Dung và cụ Thăng để lại bởi trên tất cả các giấy tờ, sổ sách địa chính qua các thời kỳ đều thể hiện chủ sử dụng đất là Nguyễn Đức Uẩn - bố đẻ của ông Cường. Gia đình ông Cường đã sinh sống tại thửa đất trên đã hơn 50 năm và không có tranh chấp gì nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Quý.

Tại Công văn số 1198/UBND-ĐC ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ thể hiện: *"Nguồn gốc đất: Trước năm 1975, do không có hồ sơ giấy tờ, không xác định được nguồn gốc đất được cấp hay chia cho ai. Hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã:*

- Bản đồ năm 1975, không có sổ lập kèm theo. Theo vị trí trên bản đồ thửa đất đang đề nghị cung cấp thông tin thuộc thửa 261, bản đồ HTX Kiêu Kỵ, diện tích 1.112m^2.

- Bản đồ đo vẽ năm 1986 có sổ lập kèm theo thửa đất được kê khai tại thửa số 241, tờ bản đồ 04, diện tích 1114m^2. Sổ ghi tên Nguyễn Đức Uẩn.

- Bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, có sổ lập kèm theo thửa đất được kê khai tại thửa số 39, tờ bản đồ 16, diện tích 1.240m^2, sổ ghi tên Nguyễn Đức Uẩn".

Lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều khẳng định: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung. Bị đơn có ý kiến cho rằng tài sản trên đã được các cụ định đoạt bằng cách tặng cho cụ Bạch và cụ Uẩn trong cuộc họp gia đình năm 1963. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Bị đơn thì không có chứng cứ, tài liệu nào khác thể hiện cuộc họp năm 1963 cụ Thăng và cụ Dung đã tặng cho thửa đất cho cụ Uẩn và cụ Bạch. Bản thân cụ Thăng đến năm 1968 và cụ Dung đến năm 1977 mới chết nên không thể chuyển giao ngay quyền sử dụng toàn bộ thửa đất cho cụ Uẩn và cụ Bạch tại thời điểm năm 1963. Các con của cụ Nhạn có ý kiến ủng hộ quan điểm Bị đơn. Các con của cụ Hồng không thừa nhận sự việc cụ Thăng và cụ Dung đã tặng cho cụ Uẩn và cụ Bạch toàn bộ thửa đất trên. Mặt khác, từ những năm 2000, cụ Hồng đã nhiều lần làm đơn yêu cầu và đề nghị giải quyết đất thừa kế của cụ Thăng và cụ Dung để lại nên không thể khẳng định toàn bộ các thành viên trong gia đình đều thống nhất việc cụ Thăng và cụ Dung đã tặng cho cụ Uẩn và cụ Bạch toàn bộ thửa đất. Việc cụ Uẩn, cụ Bạch, ông Cường nộp thuế sử dụng đất hàng năm là nghĩa vụ của người sử dụng đất không phải là căn cứ khẳng định thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ Uẩn, cụ Bạch và ông Cường. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến, quan điểm của ông Cường và có đủ cơ sở kết luận: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16, tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là tài sản của cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung để lại và chưa được chia. Cụ Thăng và cụ Dung chết không để lại di chúc. Vì vậy, ông NVQ27 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Thăng và cụ Dung để lại là toàn bộ thửa đất trên là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, ông Quý khởi kiện yêu cầu chia diện tích thửa đất trên thành ba phần bằng nhau; trong đó, cụ Hồng, cụ Bạch và cụ Nhạn mỗi người được hưởng 1/3 di sản là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cụ M28 nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quý là có căn cứ.

Ông Cường kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng bản chất vụ án xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông, ông cho rằng thửa đất trên không còn là di sản thừa kế của cụ Thăng và cụ Dung nên không thể chia thừa kế được nhưng ông Cường cũng không có chứng cứ tài liệu chứng để chứng minh phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cường.

[2.4.2]. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2021 thể hiện: Hiện trạng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 16 có diện tích là 1.195,7m^2. Trên đất có nhà bếp, các công trình kiến trúc và cây cối do vợ chồng ông Cường tạo dựng.

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện Gia Lâm ngày 24/6/2021 kết luận giá trị quyền sử dụng đất là: 1.195,7m^2 x 25.000.000đ/m^2 = 29.892.500.000 đồng. Tuy nhiên, do thửa đất có diện tích rất rộng và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa xác định được diện tích đất ở và đất vườn ao cụ thể là bao nhiêu và khi chia tách

thửa cần phải xác định hạn mức đất ở theo quy định của pháp luật. Do đó, cần phải xác định giá trị quyền sử dụng đất vườn để xác định tổng giá trị di sản thừa kế và phân chia di sản mới đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự tự thống nhất thỏa thuận giá trị 1m^2 đất vườn là: 13.500.000 đồng. Do thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc xác định hạn mức đất ở chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi cho tất cả các bên khi chia thừa kế, Hội đồng xét xử tính tổng cộng giá trị của hai loại đất theo định giá rồi chia đôi để lấy giá trị chung là phù hợp. Cụ thể: 25.000.000 đồng + 13.500.000 đồng = 38.500.000 đồng : 2 = 19.250.000 đồng/m^2. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế là 1.195,7m^2 x 19.250.000 đồng/m^2 = 23.017.225.000 đồng.

[2.5]. Phân chia di sản thừa kế:

Tổng giá trị di sản thừa kế cụ Thăng và cụ Dung để lại là 23.017.225.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Thăng và cụ Dung gồm có 04 người con; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 23.017.225.000 đồng : 4 = 5.754.306.250 đồng.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 của Bộ luật Dân sự 2015 thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Xét cụ Uẩn và cụ Bạch có thời gian dài quản lý, sử dụng thửa đất, vợ chồng ông Cường đang là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất có công sức duy trì, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất nên cần trích trả công sức bảo quản di sản cho cụ Uẩn, cụ Bạch bằng một kỷ phần thừa kế, cho vợ chồng ông Cường bằng một kỷ phần thừa kế là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Cụ thể: Giá trị di sản sẽ được chia thành 06 kỷ phần thừa kế bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá 23.017.225.000 đồng : 6 = 3.836.204.167 đồng. Trong đó, cụ Hồng, cụ Bạch, cụ Nhạn, cụ M28, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế = 3.836.204.167 đồng; các con của cụ Bạch và cụ Uẩn được hưởng 01 kỷ phần công sức bảo quản di sản và vợ chồng ông Cường được hưởng 01 kỷ phần công sức bảo quản di sản. Các con của cụ Nhạn, các anh chị em ruột của ông Cường nhất trí giao cho ông Cường đứng tên quản lý, sử dụng chung phần di sản thừa kế được chia. Như vậy, tổng cộng ông Cường được nhận 04 kỷ phần thừa kế = 15.344.816.667 đồng; các con của cụ Hồng được hưởng 01 kỷ phần thừa kế (anh chị em ruột nhất trí giao cho ông Quý nhận và đứng tên quản lý, sử dụng) = 3.836.204.167 đồng; cụ M28 được hưởng 01 kỷ phần thừa kế = 3.836.204.167 đồng.

Như vậy, diện tích đất các con của cụ Hồng (do ông Quý đại diện nhận) được quyền quản lý, sử dụng là 199,3m^2 đất; các con của cụ Bạch và cụ Nhạn (do ông Cường đại diện nhận chung và phần ông Cường được nhận kỷ phần thừa kế của cụ M28; phần công sức bảo quản di sản thừa kế của cụ Uẩn, cụ Bạch; phần công sức bảo quản di sản thừa kế của vợ chồng ông Cường, bà Tình) được quyền quản lý, sử dụng là 996,4m^2 đất.

Ông Cường có trách nhiệm thanh toán cho cụ M28 số tiền 3.386.204.167 đồng.

[2.6]. Đối với cụ M28, quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/11/2020, cụ M28 có đơn trình bày ý kiến thể hiện: Toàn bộ thửa đất ông Cường đang quản lý sử dụng là của cụ Thăng, cụ Dung tặng cho cụ Uẩn, cụ Bạch và cụ Uẩn, cụ Bạch để lại cho ông Cường nên thuộc quyền sở hữu của riêng ông Cường. Cụ M28 thể hiện ý chí xác nhận thửa đất đang tranh chấp là của ông Cường và không có yêu cầu xem xét quyền lợi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Cử là con của cụ M28 và là người đại diện theo ủy quyền của cụ M28 có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không thừa nhận đơn trình bày ý kiến trên của cụ M28. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Cử đề nghị được chia thừa kế bằng hiện vật để xây dựng nhà thờ cụ Thăng và cụ Dung là bố mẹ nuôi của cụ M28.

Xét thấy, ông Cử là con và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của cụ M28 không thừa nhận đơn trình bày ý kiến trên của cụ M28, nhưng không có tài liệu, chứng cứ khẳng định đơn đó không phải là ý chí của cụ M28, trong khi chính ông Cử là người dẫn ông Cường đi lấy xác nhận của trưởng thôn vào đơn. "Đơn trình bầy ý kiến" ngày 30/11/2020 của cụ M28 thì bà Hoàn và ông Cử đều xác nhận cụ M28 điểm chỉ vào đơn này và ông Cường, ông Cử cùng nhau đến nhà trưởng thôn để xác nhận. Sau đó, ông Cường đã đưa bà Hoàn và ông Cử bản sao công chứng của đơn này. Ông, bà xác nhận nội dung bản sao đúng như bản ông Cường đã xuất trình tại Tòa án. Sau khi nhận được bản sao công chứng thì cụ M28, ông Cử và bà Hoàn cũng không có ý kiến phản đối gì. Do đó, có căn cứ xác định "Đơn trình bầy ý kiến" ngày 30/11/2020 là ý chí của cụ M28.

Ý chí của cụ M28 tại đơn này khẳng định thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Cường, không có đòi hỏi quyền lợi, không có nhu cầu về quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho cụ M28 được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền mà không chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và giao cho ông Cường được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là kỷ phần thừa kế của cụ M28; ông Cường có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho cụ M28 là phù hợp với thực tế. Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, tại phiên toà phúc thẩm ông Cử trình bày việc cụ M28 kháng cáo yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật để xây dựng nơi thờ cúng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cử cũng xác nhận từ trước đến nay cụ M28 đều thực hiện thờ cúng cụ Thăng, cụ Dung theo nhà ông Cường và ông Cường vẫn tạo điều kiện để cụ M28 thực hiện đạo nghĩa, đền đáp công ơn của cụ Thăng và cụ Dung là những người cưu mang, nuôi dưỡng mình. Ông Cường không cản trở, mâu thuẫn gì với cụ M28. Hiện nay ông Cường vẫn thực hiện việc thờ cúng cụ Thăng, cụ Dung và không gây khó khăn, cản trở gì cụ M28, do vậy không chấp nhận kháng cáo của cụ M28.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.7]. Về án phí :

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị di sản được hưởng. Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Quý là người cao tuổi và là thương binh nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cụ M28 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, Điều 613, điểm c khoản 2 Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 98 của Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVQ27 đối với ông NĐC9 và bà Vũ Thị Tình.

2. Cụ Đinh Nguyên Thăng chết năm 1968, thời điểm mở thừa kế di sản là năm 1968; cụ Vũ Thị Dung chết năm 1977, thời điểm mở thừa kế di sản là năm 1977. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung là cụ Đinh Thị Hồng, cụ Đinh Thị Bạch, cụ Đinh Thị Nhạn và cụ VTM28 (tức NTM28.1).

2.1. Cụ Đinh Thị Hồng chết năm 2014. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Hồng gồm: Bà Nguyễn Thị Cậy, ông NVQ27, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Vĩnh, bà Nguyễn Thị Vịnh, ông Nguyễn Văn Ánh, ông Nguyễn Văn Cương và ông Nguyễn Văn Hiếu.

2.2. Cụ Đinh Thị Bạch chết năm 2008. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Bạch gồm: Ông Nguyễn Đức Kiêm, bà Nguyễn Thị Ngó, bà Nguyễn Thị Ký, ông Nguyễn Đức Oai đã chết (có vợ là bà Nguyễn Thị Tín và con là anh NĐP14, anh Nguyễn Đức Phóng), ông Nguyễn Đức Uy đã chết (có vợ là bà Lê Thị Xuân và con là anh NĐQ19, anh NĐL18), ông NĐC9 và ông NĐV27.

2.3. Cụ Đinh Thị Nhạn chết năm 2004. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nhạn gồm: Bà PTN4, bà NTP5, bà NTH6, bà NTH7 và bà NTM8.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Đinh Nguyên Thăng và cụ Vũ Thị Dung để lại là 1.195,7m^2 đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 16 tại: Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội trị giá 23.017.225.000 đồng.

4. Chia thừa kế di sản cụ thể như sau:

4.1. Chia cho các con của cụ Đinh Thị Hồng gồm: Bà Nguyễn Thị Cậy; ông NVQ27; ông Nguyễn Văn Hùng; bà Nguyễn Thị Vĩnh; bà Nguyễn Thị Vịnh; ông Nguyễn Văn Ánh; ông Nguyễn Văn Cương và ông Nguyễn Văn Hiếu (do ông NVQ27 đại diện nhận thay và đứng tên quản lý sử dụng) được quyền quản lý, sử dụng 199,3m^2 đất có vị trí, kích thước, mốc giới được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 23, 1.

4.2. Chia cho các con cháu của cụ Đinh Thị Bạch gồm: Ông Nguyễn Đức Kiêm; bà Nguyễn Thị Ngó; bà Nguyễn Thị Ký; bà Nguyễn Thị Tín cùng hai con là anh NĐP14, anh Nguyễn Đức Phóng; bà Lê Thị Xuân cùng hai con là anh NĐQ19, anh NĐL18; ông NĐC9 và ông NĐV27 và các con của cụ Đinh Thị Nhạn gồm: Bà PTN4; bà NTP5; bà NTH6; bà NTH7 và bà NTM8 (do ông NĐC9 đại diện nhận thay và đứng tên quản lý sử dụng bao gồm: Kỷ phần thừa kế của cụ Bạch và cụ Nhạn; phần ông Cường được nhận kỷ phần thừa kế của cụ M28; phần công sức bảo quản di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức Uẩn, cụ Đinh Thị Bạch; phần công sức bảo quản di sản thừa kế của vợ chồng ông NĐC9, bà Vũ Thị Tình) được quyền quản lý, sử dụng tổng cộng là 996,4m^2 đất còn lại có vị trí, kích thước, mốc giới được giới hạn bởi các điểm: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 3. Các công trình kiến trúc và cây cối trên phần đất trên thuộc quyền sở hữu của ông NĐC9 và bà Vũ Thị Tình. *(Có sơ đồ kèm theo)*

4.3. Ông NĐC9 có trách nhiệm thanh toán cho cụ VTM28 (tức NTM28.1) số tiền 3.386.204.167 đồng.

5. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, cấp Giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án. Diện tích đất ở, đất vườn ao sẽ được xác định khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào hạn mức sử dụng đất theo quy định của pháp luật

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông NVQ27 và cụ VTM28.

6.2. Ông NĐC9 phải chịu 123.344.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông NĐC9 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0073202 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Tiến Dũng